

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 118/2024/HSST
Ngày 26/6/2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU-TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Quách Đình Hoàng.
- 2. Ông Nguyễn Văn Tuyên.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Đại Bình- Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:92/2024/HSST ngày 26 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2024/QĐXXST-HS, ngày 24 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

1. Bị cáo thứ nhất: **Rơ Chom L**. Tên gọi khác: Không.

Giới tính: Nam. Sinh năm 2003, tại Gia Lai.

Nơi cư trú: **Làng I, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai**.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Jrai; Tôn giáo: Tin lành.

Trình độ học vấn: Không ; Nghề nghiệp: Làm nông.

Con ông **L1**, sinh năm 1961 và con bà **H**, sinh năm 1960.

Hiện cha mẹ của bị cáo trú tại: **Làng I, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai**. Bị cáo là con duy nhất trong gia đình, bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo **Rơ Chom L** bị tạm giữ từ ngày 03/01/2024 đến ngày 12/01/2024, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ **Công an thành phố P**. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo thứ hai: **Puih Diêm**. Tên gọi khác: Không.

Giới tính: Nam. Sinh năm 2004, tại Gia Lai.

Nơi cư trú: Làng I, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Jrai; Tôn giáo: Tin lành.

Trình độ học vấn: 6/12 ; Nghề nghiệp: Làm nông.

Con ông Pui D, sinh năm 1969 và con bà H1, sinh năm 1976. Hiện cha mẹ của bị cáo trú tại: Làng I, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai

Có vợ Rơ Mah H2, sinh năm 2005. Bị cáo có 01 người con sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Puih D1 bị tạm giữ từ ngày 03/01/2024 đến ngày 12/01/2024, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam. Ngày 28/02/2024, được áp dụng biện pháp Bảo lãnh cho đến nay. Hiện bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Bị can thứ ba: **Thăp**. Tên gọi khác: Không.

Giới tính: Nam. Sinh năm 2002, tại Gia Lai.

Nơi cư trú: Làng I, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Jrai; Tôn giáo: Tin lành.

Trình độ học vấn: 7/12 ; Nghề nghiệp: Không.

Con ông A, sinh năm 1959. Hiện trú tại: Làng I, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai và con bà H1 (đã chết).

Có vợ T, sinh năm 2004. Bị cáo có 01 người con sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo T1 bị tạm giữ từ ngày 03/01/2024 đến ngày 12/01/2024, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt tại phiên tòa.

4. Bị can thứ tư: **A T2**. Tên gọi khác: Không.

Giới tính: Nam. Sinh năm 2004, tại Gia Lai.

Nơi cư trú: Làng I, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Jrai; Tôn giáo: Tin lành.

Trình độ học vấn: 6/12 ; Nghề nghiệp: Không.

Con ông P, sinh năm: 1968 và con bà H3, sinh năm: 1970

Hiện cha, mẹ của bị cáo trú tại: Làng I, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai

Bị cáo có 04 người anh, chị ruột; lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2004, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ con.

Bị cáo A T2 bị tạm giữ từ ngày 03/01/2024 đến ngày 12/01/2024, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam. Ngày 01/02/2024, được áp dụng biện pháp Bảo lãnh cho đến nay. Hiện bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng:

*** Bị hại:**

- Trương Ngọc Á, sinh ngày 25/10/2006. Địa chỉ: 5 P, Tổ B, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Trương Ngọc Á: Ông Trương Văn T3, sinh năm 1968. Địa chỉ: 5 P, Tổ B, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (là cha của Trương Ngọc Á). Vắng mặt.

- Chị Vũ Đàm Phương T4, sinh ngày 18/01/2006. Nơi cư trú: 5 P, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

*** Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông P, sinh năm 1968. Địa chỉ: Làng I, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bà Phạm Thị N, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ C, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Ông Puih D2, sinh năm 1969. Địa chỉ: Làng I, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Ông A, sinh năm 1959. Địa chỉ: Làng I, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Bà H4, sinh năm 1960. Địa chỉ: Làng I, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

* **Người phiên dịch tiếng Jrai:** Ông Rmah V. Địa chỉ: Làng N, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 31/12/2023, Rơ Chom L cùng A T2, Puih D1, T1 đi đến khu vực đồi thông ở phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai để uống rượu. Trong lúc

uống rượu, cả nhóm thấy Vũ Đàm Phương T4, Trương Ngọc Á cùng bạn đang cắm trại tại đây. Trong quá trình cắm trại, Á sử dụng điện thoại hiệu Iphone XS và T4 sử dụng điện thoại hiệu Iphone 13 để dùng đèn chiếu sáng. Thấy vậy, L nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại của Á và T4 nên rủ T2, T1, D1 cùng tham gia chiếm đoạt điện thoại, bán lấy tiền tiêu xài thì T2, T5, D1 đều đồng ý. L nói T1 và T2 đi xuống lấy xe chờ trước, L và D1 sẽ đi giật điện thoại rồi sau đó chạy ra để T1 và T2 chở về thì cả nhóm đồng ý. Sau đó, T5 và T2 đi đến vị trí đồi thông đã để xe trước đó, T1 lên xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter (không xác định được biển số), T2 lên xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển số 81B1-927.09 nổ máy chờ sẵn. Lúc này, L và D1 đi bộ ra phía sau Á và T4, lợi dụng lúc Á và T4 đang cầm điện thoại trên tay, không để ý, L và D1 nhanh chóng đi đến, L dùng tay giật điện thoại hiệu Iphone 13, màu xanh của T4, D1 dùng tay giật điện thoại hiệu Iphone XS, màu vàng của Á rồi cả hai nhanh chóng bỏ chạy ra xe để T2 chở L và T1 chở D1 chạy thoát. Khi về đến làng I, phường C, thành phố P, L đưa điện thoại hiệu Iphone 13 cho T1 để đi bán, T5 đồng ý.

Khoảng 18 giờ cùng ngày, T1 cầm theo điện thoại rồi đi tìm Ja L2 ở tiệm Internet và nói mới nhất được điện thoại, nhờ đi bán giúp thì Ja L2 đồng ý. Ja L2 mang điện thoại đến bán xác điện thoại cho tiệm điện thoại Gia H5, do chị Phạm Thị N được 500.000 đồng rồi mang đưa cho T1. Sau đó, T1, T2, D1, L3 chia nhau số tiền 500.000 đồng, mỗi người được 100.000 đồng, Ja L2 được cho 50.000 đồng, còn lại 50.000 đồng cả nhóm mua nước về uống.

Đến ngày 01/01/2024, D1 và L3 mang điện thoại hiệu Iphone XS đến tiệm D, địa chỉ H T, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai do anh Lê Quang T6 (sinh năm 1983, làm chủ) để sửa, sau đó Diêm nhờ Siu T7 (sinh năm 2004, trú tại làng I, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai) lấy điện thoại về giùm vì chưa có tiền trả, thì T7 đồng ý. Ngày 02/01/2024, T7 đến tiệm điện thoại của anh T6 nói lấy lại điện thoại thì người chủ của hàng nói không mở được mặt khóa nên trả điện thoại lại cho T7, T7 mang về. Cùng ngày, T7 biết D1 bị bắt và biết điện thoại này D1 phạm tội mà có nên đã ném vào rẫy cà phê (không xác định được địa điểm).

Ngày 02/01/2024, T1, A T2, Puhi Diêm; ngày 03/01/2024, Rơ Chơm L, đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đầu thú và khai nhận hành vi của mình như đã nêu trên.

Qua định giá, Tại Kết luận định giá tài sản số 03 ngày 04/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố P, kết luận: “01 (một) ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 13, màu xanh, dung lượng 128GB mua vào năm 2021 với giá 25.000.000 đồng; giá trị tài sản bị chiếm đoạt là: 11.000.000 đồng. 01 (một) ĐTDĐ nhãn hiệu

Iphone XS, màu vàng, mua vào năm 2023 với giá 6.500.000 đồng; giá trị tài sản bị chiếm đoạt là: 5.250.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 16.250.000 đồng”

Vật chứng của vụ án:

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 13, màu xanh, dung lượng 128GB; sau khi mua điện thoại, chị N kiểm tra và sạc pin thì thấy điện thoại lên nguồn. Chị N mở điện thoại bằng mật khẩu 0000 thì mở được và thấy có số điện thoại lưu tên “Mẹ” nên chị N đã gọi điện và thông báo điện thoại đang ở tiệm D1. Sau đó, bà Đàm Thị Như X (sinh năm 1977, là mẹ của Vũ Đàm Phương T4) đến chuộc lại chị N với số tiền 500.000 đồng.

Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, màu vàng, sau khi lấy điện thoại, T7 biết điện thoại là do T1, L phạm tội mà có nên đã ném vào rẫy cà phê. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không thu giữ được.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu xanh, biển số 81B1-927.09 do A T2 điều khiển. Qua điều tra, xác định: Đây là tài sản của ông P (là cha của bị can A T2) cho A T2 mượn để làm phương tiện đi lại, sau đó A T2 thực hiện hành vi phạm tội thì ông P không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku không tiến hành thu giữ những chiếc xe mô tô trên.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu đen T1 sử dụng do Thấp mượn của H6 (không xác định được biển số, nhân thân lai lịch của H6) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P không làm việc được và không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Rơ Chom L, T1, P, A T2 đã tác động gia đình khắc phục số tiền 500.000 đồng cho bị hại Vũ Đàm Phương T4, số tiền 5.250.000 đồng cho bị hại Trương Thị Ngọc Á1, cụ thể: Lãi bồi thường số tiền 2.750.000 đồng, Puih D1, T1, A T2 mỗi bị can bồi thường số tiền 1.000.000 đồng. Các bị hại Vũ Đàm Phương T4 và Trương Thị Ngọc Á1 không có yêu cầu gì thêm về dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 114/CT-VKS ngày 25/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Rơ Chom L, Puih Diêm, Thấp, A T2 về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Tuyên bố bị cáo Rơ Chom L, Puih D1, T1 và A T2 phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 171; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Rơ Chom L từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

Áp dụng: Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tổng hợp hình phạt với Bản án số: 69/2024HS-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai, xử phạt bị cáo **Rơ Chơm L** 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Bị cáo **Puih D1, T1** từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 171; Điều 50; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **A T2** từ 09 tháng đến 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng đến 02 năm.

- Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng 16 giờ ngày 31/12/2023, tại khu vực đồi thông **phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai, Rơ Chơm L, Puih D1, T1, A T2** đã cùng nhau thực hiện hành vi dùng tay giật điện thoại hiệu Iphone 13, màu xanh trị giá 11.000.000 đồng của **Vũ Đàm Phương T4** và giật chiếc điện thoại hiệu Iphone XS, màu vàng trị giá 5.250.000 đồng của **Trương Ngọc Á** rồi nhanh chóng tẩu thoát. Đến ngày 02/01/2024, **A T2, Puih D1, T1** ra đầu thú; ngày 03/01/2024, **Rơ Chơm L** ra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

[2] Xét về hành vi tố tụng và các quyết định tố tụng trong quá trình điều tra truy tố: Trong quá trình điều tra truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân TP. Pleiku đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị hại cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đối với bị cáo **Rơ Chơm L, Puih D1, T1, A T2** về tội “*Cướp giật tài sản*” theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét hành vi của phạm tội của các bị cáo **Rơ Chơm L, Puih D1, T1, A T2**: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Các bị cáo là người trưởng thành, có sức khỏe nhưng không chịu tu chí lao động mà chỉ muốn hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác, khi thấy sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản là các bị cáo liền thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

Đối với bị cáo **Rơ Chơm L** là người khởi xướng và là người thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án này. Ngoài ra tại Bản án số 69/2024HS-ST ngày 26/4/2024 bị cáo còn bị Tòa án nhân dân TP. Pleiku xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” cần áp dụng: Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để tổng hợp hình phạt của nhiều bản án.

Đối với bị cáo **Puih D1, T1, A T2**: 03 bị cáo này đều cùng thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo **Puih D1, T1** (**Puih D1** trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật điện thoại, **T5** đứng ngoài chờ để lái xe chở đồng bọn tẩu thoát và **T1** mang điện thoại đi tiêu thụ). Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân, nên cần phải xử bị cáo một mức án nghiêm.

[5] Các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo; Bồi thường thiệt hại; Đầu thú, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo **Puih D1** được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là gia đình có công với cách mạng.

[6] Dù giảm nhẹ nhưng cần phải cách ly bị cáo **Rơ Chơm L, P, T1** ra khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo được biện pháp răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Riêng bị cáo **A T2** xét về tính chất mức độ hành vi, các tình tiết giảm nhẹ và bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo **A T2** ra khỏi xã hội một thời gian mà để bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa.

[7] Đối với chị **Phạm Thị N** và anh **Lê Quang T6** là những người đã mua và nhận sửa điện thoại, xác định chị **N** và anh **T6** đều không biết đó là tài sản do các bị cáo cướp giật mà có, nên không xử lý là đúng.

[8] Đối với **JL** là người đã giúp bị cáo **T1** bán điện thoại hiệu Iphone 13 do các bị cáo cướp giật của chị **T4**, xác định **Ja L2** không biết đó là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có, nên không xử lý là đúng.

[9] Đối với **Siu T7** là người đã giúp bị cáo **Puih D1** đi lấy chiếc điện thoại di động hiệu Iphone XS do các bị cáo cướp giật của chị **Á1**, xác định khi đi lấy giùm Siu Thân không biết đó là tài sản do **Puih D1** cướp giật mà có, chỉ khi đi lấy điện thoại về Siu Thân mới biết **D1** ra đầu thú nên biết được chiếc điện thoại này do các bị cáo phạm tội mà có nhưng **Siu T7** không đi tố giác mà ném chiếc điện thoại này vào rẫy cà phê. Tuy nhiên, theo quy định Điều 389 và Điều 390 của Bộ luật Hình sự không có căn cứ để xử lý về hình sự đối với **Siu T7** là đúng.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã tác động gia đình khắc phục số tiền 500.000 đồng cho bị hại **Vũ Đàm Phương T4**, số tiền 5.250.000 đồng cho bị hại **Trương Thị Ngọc Á1**, cụ thể: Lãi bồi thường số tiền 2.750.000 đồng, **Puih D1, T1, A**

T2 mỗi bị cáo bồi thường số tiền 1.000.000 đồng. Các bị hại không có yêu cầu gì thêm về dân sự, nên không xét.

Vật chứng của vụ án: Không.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo phải chịu tiền án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Rơ Chom L, Puih D1, T1 và A T2 phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 171; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Rơ Chom L 01 năm 04 tháng tù.

Áp dụng: Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tổng hợp hình phạt với Bản án số: 69/2024HS-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai, xử phạt bị cáo Rơ Chom L 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Vậy bị cáo Rơ Chom L phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 Bản án là 04 năm 04 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2024.

Xử phạt: Bị cáo Puih D1 01 năm 01 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi những ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2024 đến ngày 28/02/2024.

Xử phạt: Bị cáo T1 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2024

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 171; Điều 50; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo A T2 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án, ngày 26/6/2024.

Giao bị cáo A T2 cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ: khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo phải chịu tiền án phí theo quy định.

Buộc bị cáo **Rơ Chom L**, **Puih D1**, **T1** và **A T2** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia lai.
- Viện kiểm sát TP. Pleiku.
- Công an TP. Pleiku.
- THADS TP. Pleiku Đã ký
- Bị cáo.
- Người bị hại
- Người có qlnvlq.
- Lưu hs.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hồng